

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2023

NGÀNH LUẬT KINH TẾ

Mã ngành: 8380107

Trình độ: Thạc sĩ

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 5 tháng 4 năm 2010 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường đại học thành viên trong Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 393/QĐ-ĐHKTL ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của các ngành tại Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM.

Danh sách các ngành đào tạo và Chương trình đào tạo đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết định này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2023.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà) Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng, Trưởng các Khoa, Trưởng các đơn vị thuộc Trường Đại học Kinh tế - Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, BDCL.



HIỆU TRƯỞNG

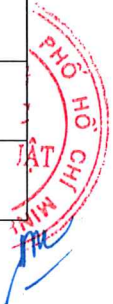
Hoàng Công Gia Khánh



DANH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **876** /QĐ-ĐHKTL ngày **03** tháng **7** năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

STT	Mã ngành	Tên ngành	Khoa quản lý	Ghi chú
1	8310101	Kinh tế học	Khoa Kinh tế	
2	8310102	Kinh tế chính trị	Khoa Kinh tế	
3	8310106	Kinh tế quốc tế	Khoa Kinh tế đối ngoại	
4	8340101	Quản trị kinh doanh	Khoa Quản trị kinh doanh	
5	8340201	Tài chính ngân hàng	Khoa Tài chính - Ngân hàng	
6	8340301	Kế toán	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
7	8380103	Luật dân sự và tố tụng dân sự	Khoa Luật	
8	8380107	Luật kinh tế	Khoa Luật kinh tế	



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 7 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 876/QĐ-ĐHKTL ngày 03 tháng 7 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)*

1. Chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo: Luật Kinh tế
 - + Tiếng Việt: Luật Kinh tế
 - + Tiếng Anh: Economic Law
- Mã ngành đào tạo: 8380107
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Chương trình đào tạo: Luật Kinh tế
- Phương thức đào tạo:
 - + Chương trình nghiên cứu: Theo quy định tại khoản 7, Điều 2 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 - + Chương trình nghiên cứu theo phương thức 2: Học viên phải học các học phần của chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận văn theo quy định tại khoản 1, Điều 5 Quyết định 1393/QĐ-ĐHQG ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc ĐHQG TP. HCM.
- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Số tín chỉ yêu cầu: 60 tín chỉ (không bao gồm tín chỉ ngoại ngữ)
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ Luật Kinh tế
 - + Tiếng Anh: Master of Law in Economic Law
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Địa điểm đào tạo:
 - + Cơ sở 1: Trường Đại học Kinh tế-Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, số 669 Quốc lộ 1, phường Linh Xuân, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
 - + Cơ sở 2: Trường Cán bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (DMA), số 45 Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Yêu cầu đối với người học

2.1 Phương thức tuyển sinh

Phương thức 1: Xét hồ sơ

Phương thức 2: Xét hồ sơ và tiểu ban chuyên môn phỏng vấn

Phương thức 3: Xét hồ sơ và tiểu ban chuyên môn phỏng vấn, kết hợp tổ chức thi Tiếng Anh

2.2 Đối tượng và điều kiện tuyển sinh

Đối tượng tuyển thẳng

Phương thức xét tuyển: Xét hồ sơ

Ứng viên dự tuyển là người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển thẳng và có năng lực ngoại ngữ được quy định tại khoản 1 Điều 8 của Quyết định số 21/QĐ-ĐHQG ngày 06/01/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, gồm một trong những đối tượng sau:

Người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10);

Người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy là thủ khoa của ngành;

Người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học đạt giải nhất, nhì, ba các kỳ thi Olympic sinh viên (giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; giải thưởng Eureka và các giải thưởng khoa học công nghệ cấp quốc gia, quốc tế được tổ chức ở trong nước và ngoài nước).

Đối tượng xét tuyển miễn ngoại ngữ

Phương thức xét tuyển: Xét hồ sơ và tiểu ban chuyên môn phỏng vấn

Ứng viên dự tuyển là người đã có bằng đại học hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

Ứng viên là người tham gia chương trình liên thông từ trình độ đại học lên trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Kinh tế - Luật;

Ứng viên là người nước ngoài đã tốt nghiệp trình độ đại học ngành phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển và có năng lực ngoại ngữ được quy định tại Phụ lục.

Đối tượng xét tuyển có dự thi môn Tiếng Anh

Phương thức xét tuyển: Xét hồ sơ và tiểu ban chuyên môn phỏng vấn, kết hợp tổ chức thi đánh giá năng lực Tiếng Anh

Ứng viên thuộc trường hợp xét tuyển, có bằng đại học hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) thuộc ngành phù hợp có nhu cầu tham gia đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nhưng chưa đáp ứng năng lực ngoại ngữ được quy định tại khoản 1 Điều 8 của Quyết định số 21/QĐ-ĐHQG ngày 06/01/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Các điều kiện khác do Trường quy định trong Đề án tuyển sinh hằng năm.

2.3 Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo

Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh: 148

Quy mô đào tạo: 181

2.4 Danh mục ngành phù hợp/Học bổ sung kiến thức

Danh mục ngành phù hợp: Đề án tuyển sinh Sau đại học năm 2023 thực hiện theo danh mục các ngành thuộc nhóm ngành 731 và 734 theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT (Không bổ sung kiến thức).

Các quy định khác theo quy chế Tổ chức và Đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật Kinh tế trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực pháp luật kinh tế. Đồng thời, định hướng cho người học nghiên cứu chuyên sâu về các vấn đề lý luận và thực tiễn phát sinh trong lĩnh vực xây dựng, thực thi và áp dụng pháp luật kinh tế.

3.2 Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo thạc sĩ Luật Kinh tế nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng nghiên cứu và thực hành pháp luật thuần thực; có phẩm chất chính trị, đạo đức vững vàng; có trình độ và tư duy quản lý cao cho các cơ quan Nhà nước đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng trong phạm vi cả nước, đặc biệt là khu vực miền Trung và miền Nam; các văn phòng luật sư, công ty, hãng luật trong nước và nước ngoài, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Mục tiêu chung
Trang bị cho học viên kiến thức và định hướng nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực pháp luật kinh tế

Mục tiêu cụ thể	
PO 1	Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về pháp luật trong lĩnh vực kinh tế, thương mại
PO 2	Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu và thực hành pháp luật chuyên nghiệp cho người học
PO 3	Hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cao cho người học

4. Chuẩn đầu ra

4.1 Chuẩn đầu ra

Nội dung	Chuẩn đầu ra	Mức độ *
A. Kiến thức	PLO 1: Đánh giá được quy định của pháp luật kinh tế	5
	PLO 2: Áp dụng được kiến thức tổng hợp về kinh tế học pháp luật để phân tích, bình luận được các tình huống pháp lý	4
	PLO 3: Đánh giá được thực trạng pháp luật kinh tế, nền kinh tế-xã hội trong nước và quốc tế	5
B. Kỹ năng	PLO 4: Làm việc độc lập, làm việc nhóm và phân biện chuyên nghiệp	4
	PLO 5: Đàm phán, viết báo cáo, thuyết trình, tư vấn pháp luật về kinh tế và kinh doanh thuần thực	4
	PLO 6: Phân tích, đánh giá, bình luận và lựa chọn giải pháp để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn với tư cách là chuyên gia pháp lý	4
C. Mức tự chủ và trách nhiệm	PLO 7: Nghiêm túc về nghề nghiệp, cầu tiến và kỷ luật cao	4
	PLO 8: Trách nhiệm công dân cao	4
	PLO 9: Hình thành thái độ tuân thủ nghiêm pháp luật và đạo đức nghề nghiệp	5

* Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: Kỹ năng (1-5), Krathwohl: Mức tự chủ và trách nhiệm/ Đạo đức trách nhiệm (1-5)

4.2 Vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học tiếp tục làm việc hoặc được tuyển dụng, bổ nhiệm

để làm việc trong các cơ quan nhà nước; cơ quan, tổ chức liên chính phủ, phi chính phủ; viện nghiên cứu, các trường đại học và cao đẳng trong phạm vi cả nước, đặc biệt là khu vực miền Trung và miền Nam; các văn phòng luật sư, công ty, hãng luật trong nước và nước ngoài, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế với các vị trí là giám đốc doanh nghiệp; giám đốc kinh doanh, marketing; chuyên gia phân tích thị trường; cố vấn pháp lý; chuyên gia tư vấn pháp luật; thẩm phán; điều tra viên; kiểm sát viên; công chứng viên; thừa phát lại; luật sư; chuyên viên pháp chế; nghiên cứu viên, giảng viên giảng dạy pháp luật nói chung và pháp luật về kinh tế nói riêng.

4.3 Khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau tốt nghiệp

Người tốt nghiệp Thạc sĩ Luật ngành Luật Kinh tế có đủ khả năng để tiếp tục học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên sâu về pháp luật nói chung và pháp luật về kinh tế nói riêng. Đặc biệt, là ứng tuyển để tiếp tục học tập, nghiên cứu chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Luật hoặc ngành Luật Kinh tế tại Việt Nam, các quốc gia trong khu vực và thế giới.

4.4 Trình độ ngoại ngữ

Chúng chỉ ngoại ngữ được công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ theo khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam được quy định theo Phụ lục 3 Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh: chứng chỉ ngoại ngữ đạt bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (Tương đương B2 theo CEFR) của các cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQG – HCM công nhận. Ngoại ngữ đầu vào và đầu ra đối với mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ.

5. Nội dung chương trình đào tạo

5.1 Cấu trúc chương trình đào tạo

CTĐT ngành Luật Kinh tế theo định hướng nghiên cứu được cấu trúc như sau:

Tổng số tín chỉ: 60 tín chỉ (Không bao gồm ngoại ngữ), trong đó:

- Khối kiến thức chung (bắt buộc): 7 tín chỉ
 1. Triết học: 4 tín chỉ
 2. Phương pháp nghiên cứu khoa học: 3 tín chỉ
- Phần kiến thức cơ sở và ngành: 38 tín chỉ
 - + Các chuyên đề bắt buộc: 12 tín chỉ
 1. Pháp luật về tài sản: 3 tín chỉ
 2. Pháp luật hợp đồng: 3 tín chỉ
 3. Pháp luật về thương mại: 3 tín chỉ
 4. Pháp luật thương mại quốc tế: 3 tín chỉ
 - + Các học phần tự chọn: 26 tín chỉ

1. Kinh tế học pháp luật: 2 tín chỉ
 2. Pháp luật về công ty: 3 tín chỉ
 3. Pháp luật cạnh tranh: 2 tín chỉ
 4. Pháp luật ngân hàng: 2 tín chỉ
 5. Giải quyết tranh chấp trong thương mại: 2 tín chỉ
 6. Pháp luật sở hữu trí tuệ: 3 tín chỉ
 7. Pháp luật về đầu tư: 2 tín chỉ
 8. Pháp luật về môi trường: 3 tín chỉ
 9. Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản: 3 tín chỉ
 10. Pháp luật về thuế trong hoạt động kinh doanh: 3 tín chỉ
 11. Pháp luật thương mại điện tử: 2 tín chỉ
 12. Pháp luật về quản lý ngoại hối và thị trường tiền tệ: 2 tín chỉ
 13. Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp: 2 tín chỉ
 14. Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm: 2 tín chỉ
 15. Pháp luật về kinh doanh chứng khoán: 2 tín chỉ
 16. Pháp luật về đất đai và kinh doanh bất động sản: 3 tín chỉ
 17. Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng và trách nhiệm sản phẩm: 2 tín chỉ
 18. Pháp luật kinh doanh quốc tế: 3 tín chỉ
 19. Pháp luật lao động và an sinh xã hội: 2 tín chỉ
- Luận văn thạc sĩ: 15 tín chỉ

5.2 Danh mục các học phần

TT	Mã số học phần	Học kỳ	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)		
				Tổng số	LT	TH, TN, TL
I. Khối kiến thức chung (bắt buộc)				7		
1	MUU1001	1	Triết học	4	4	
2	MLB1025	1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3	

II. Phần kiến thức cơ sở và ngành				38		
<i>Các học phần chuyên đề bắt buộc</i>						
1	MKB4003	1	Pháp luật về tài sản	3	3	
2	MKB4001	1	Pháp luật hợp đồng	3	3	
3	MKB4004	1	Pháp luật về thương mại	3	3	
4	MKT4002	2	Pháp luật thương mại quốc tế	3	3	
<i>Các học phần tự chọn</i>						
1	MKB4006	2	Kinh tế học pháp luật	2	2	
2	MKB4016	2	Pháp luật về công ty	3	3	
3	MKB4010	2	Pháp luật cạnh tranh	2	2	
4	MKB4013	2	Pháp luật ngân hàng	2	2	
5	MKB4005	2	Giải quyết tranh chấp trong thương mại	2	2	
6	MKB4014	2	Pháp luật sở hữu trí tuệ	3	3	
7	MKB4017	2	Pháp luật về đầu tư	2	2	
8	MKT4023	2	Pháp luật về môi trường	3	3	
9	MKB4021	2	Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản	3	3	
10	MKB4026	2	Pháp luật về thuế trong hoạt động kinh doanh	3	3	
11	MKT4015	3	Pháp luật thương mại điện tử	2	2	
12	MKB4025	3	Pháp luật về quản lý ngoại hối và thị trường tiền tệ	2	2	
13	MKB4024	3	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	2	2	

14	MKB4009	3	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	2	2	
15	MKB4022	3	Pháp luật về kinh doanh chứng khoán	2	2	
16	MKB4020	3	Pháp luật về đất đai và kinh doanh bất động sản	3	3	
17	MKB4018	3	Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng và trách nhiệm sản phẩm	2	2	
18	MKT4011	3	Pháp luật kinh doanh quốc tế	3	3	
19	MKB4012	3	Pháp luật lao động và an sinh xã hội	2	2	
III. Luận văn:						
1	MUU6002	4	Luận văn thạc sĩ	15	15	
Tổng cộng				60		

5.3 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần

STT	HỌC KỲ	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO									
					KIẾN THỨC			KỸ NĂNG			MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM			TỔNG SỐ
					A1	A2	A3	B1	B2	B3	C1	C2	C3	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]
1	1	MUU1001	Triết học	4	X				X				X	
2	1	MLB1025	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		X			X				X	
3	1	MKB4003	Pháp luật về tài sản	3	X			X			X			
4	1	MKB4001	Pháp luật hợp đồng	3	X		X						X	
5	1	MKB4004	Pháp luật về thương mại	3	X	X				X				
6	2	MKT4002	Pháp luật thương mại quốc tế	2		X			X			X		
7	2	MKB4006	Kinh tế học pháp luật	2	X			X			X			
8	2	MKB4010	Pháp luật cạnh tranh	2		X			X			X		
9	2	MKB4013	Pháp luật ngân hàng	2	X			X			X			
10	2	MKB4005	Giải quyết tranh chấp trong thương mại	2		X			X			X		
11	2	MKB4014	Pháp luật sở hữu trí tuệ	3	X			X			X			

12	2	MKB4017	Pháp luật về đầu tư	2		X			X		X		X	
13	2	MKT4023	Pháp luật về môi trường	3	X	X				X		X		
14	2	MKB4021	Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản	3	X		X			X				
15	2	MKB4026	Pháp luật về thuế trong hoạt động kinh doanh	3	X		X			X				
16	3	MKT4015	Pháp luật thương mại điện tử	2	X		X			X				
17	3	MKB4025	Pháp luật về quản lý ngoại hối và thị trường tiền tệ	2		X		X			X			
18	3	MKB4024	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	2		X		X				X		
19	3	MKB4009	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	2	X			X				X		
20	3	MKB4022	Pháp luật về kinh doanh chứng khoán	2	X		X				X			
21	2	MKB4016	Pháp luật về công ty	2		X			X			X		
22	3	MKB4020	Pháp luật về đất đai và kinh doanh bất động sản	3	X			X			X			
23	3	MKB4018	Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng và trách nhiệm sản phẩm	2	X			X			X			

24	3	MKT4011	Pháp luật kinh doanh quốc tế	3		X			X			X		
25	3	MKB4012	Pháp luật lao động và an sinh xã hội	2	X			X			X			
26	4	MUU6002	Luận văn	15										

6. Kế hoạch đào tạo

6.1 Thời gian đào tạo toàn khoá: 2 năm

6.2. Khung kế hoạch đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)			HP tiên quyết	Dự kiến giảng viên phụ trách
			Tổng	LT	TH, TN, TL		
I. Học kỳ 1			16				
Các học phần bắt buộc			16				
1	MUU1001	Triết học	4	4			TS Nguyễn Thị Thanh Hà PGS.TS Vũ Tình
2	MLB1025	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3			PGS.TS Ngô Hữu Phước PGS.TS Nguyễn Ngọc Điện
3	MKB4003	Pháp luật về tài sản	3	3			TS Nguyễn Đình Huy PGS.TS Nguyễn Ngọc Điện
4	MKB4001	Pháp luật hợp đồng	3	3			PGS.TS Dương Anh Sơn TS Giản Thị Lê Na TS Nguyễn Phan Phương Tàn
5	MKB4004	Pháp luật về thương mại	3	3			TS Bùi Thị Hằng Nga TS Đào Thị Thu Hằng
II. Học kỳ 2							
Các học phần bắt buộc			16				
1	MKT4002	Pháp luật thương mại quốc tế	3	3			TS Ngô Hữu Phước TS Đào Gia Phúc TS Vũ Kim Hạnh Dung

Các học phần tự chọn						
1	MKB4016	Pháp luật về công ty	3	3		TS Trịnh Thực Hiền TS Bùi Thị Hằng Nga
2	MKB4006	Kinh tế học pháp luật	2	2		PGS.TS Dương Anh Sơn TS Phạm Trí Hùng
3	MKB4026	Pháp luật về thuế trong hoạt động kinh doanh	3	3		TS Nguyễn Thanh Bình TS Phan Thị Thành Dương
4	MKB4014	Pháp luật sở hữu trí tuệ	3	3		TS Nguyễn Đình Huy PGS.TS Nguyễn Thị Hồng Nhung
5	MKB4021	Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản	3	3		TS Trần Thanh Hương TS Giản Thị Lê Na
6	MKB4010	Pháp luật cạnh tranh	2	2		TS Phạm Trí Hùng TS Bùi Thị Hằng Nga
7	MKB4013	Pháp luật ngân hàng	2	2		PGS.TS Lê Vũ Nam PGS.TS Nguyễn Văn
8	MKT4023	Pháp luật về môi trường	3	3		TS Phạm Văn Võ TS Lưu Quốc Thái
9	MKB4005	Giải quyết tranh chấp trong thương mại	2	2		TS Phạm Trí Hùng TS Bùi Thị Hằng Nga
10	MKB4017	Pháp luật về đầu tư	2	2		TS Giản Thị Lê Na TS Bùi Lê Thực Linh

III. Học kỳ 3			13				
Các học phần tự chọn							
1	MKT4011	Pháp luật kinh doanh quốc tế	3	3			TS Vũ Kim Hạnh Dung TS Trịnh Thực Hiền
2	MKT4015	Pháp luật thương mại điện tử	2	2			PGS.TS Phan Đức Dũng PGS.TS Lê Vũ Nam
3	MKB4025	Pháp luật về quản lý ngoại hối và thị trường tiền tệ	2	2			TS Nguyễn Thanh Bình TS Phan Thị Thành Dương
4	MKB4024	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	2	2			TS Phạm Trí Hùng TS Bùi Thị Hằng Nga
5	MKB4009	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	2	2			TS Bùi Thị Hằng Nga PGS.TS Nguyễn Thị Thủy
6	MKB4022	Pháp luật về kinh doanh chứng khoán	2	2			PGS.TS Lê Vũ Nam PGS.TS Nguyễn Văn Vân
7	MKB4018	Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng và trách nhiệm sản phẩm	2	2			TS Nguyễn Thị Thu Trang TS Nguyễn Trường Ngọc
8	MKB4012	Pháp luật lao động và an sinh xã hội	2	2			TS Đoàn Thị Phương Diệp TS Lê Thị Thúy Hương
9	MKB4020	Pháp luật về đất đai và	3	3			TS Châu Thị Khánh Vân

		kinh doanh bất động sản					TS Nguyễn Thị Thanh Xuân
IV. Học kỳ 4 Luyện văn tốt nghiệp			15	15			

7. Quy trình đào tạo

7.1 Căn cứ pháp lý

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.

Căn cứ Quyết định số 393/QĐ-ĐHKTL ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - Luật.

7.2 Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Phân bổ thời gian đào tạo: theo khung Kế hoạch đào tạo, 2 năm/4 học kỳ
- Phương pháp dạy và học: Kết hợp các phương pháp thuyết giảng chủ động, seminar, thảo luận nhóm, thuyết trình, tự học, tự nghiên cứu.
- Phương pháp đánh giá:
 - Đánh giá kết quả học tập theo đề cương học phần/môn học là các bài tập cá nhân; bài tập nhóm; bài thi hoặc tiểu luận kết thúc môn học.
 - Đánh giá luận văn tốt nghiệp: Tính thời sự, cấp thiết; ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn; sự phù hợp với ngành đào tạo Luật Kinh tế; độ tin cậy của phương pháp nghiên cứu của luận văn; nội dung của luận văn phù hợp với pháp luật hiện hành, trên cơ sở Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ và Quyết định số 393/QĐ-ĐHKTL ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường

Đại học Kinh tế - Luật Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - Luật.

7.3 Điều kiện tốt nghiệp

Học viên đáp ứng đủ các điều kiện theo Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ và Quyết định số 393/QĐ-ĐHKTL ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - Luật.

Điều kiện tốt nghiệp có thể thay đổi theo Quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

7.4 Đánh giá đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: Đánh giá kết quả bài thi hoặc tiểu luận kết thúc các chuyên đề thuộc chương trình đào tạo và Luận văn tốt nghiệp.

8. Cách thức đánh giá

8.1 Đánh giá học phần (Điều 15 – Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG)

1. Quy định chung: Môn học được đánh giá bởi các điểm thành phần (bài tập, kiểm tra định kỳ, tiểu luận, thi kết thúc môn học) và điểm tổng kết. Số điểm thành phần ít nhất là 2, trong đó điểm thi kết thúc môn học là thành phần bắt buộc. Thi kết thúc môn học có thể theo hình thức tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp hoặc báo cáo tiểu luận.

2. Tổ chức đánh giá môn học:

a) Điểm tổng kết môn học là điểm trung bình theo trọng số các điểm đánh giá thành phần lấy đến một chữ số thập phân. Môn học đạt yêu cầu từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10.

b) Điểm đánh giá thành phần và điểm tổng kết phải được ghi đầy đủ trong bảng điểm môn học theo biểu mẫu do CSĐT quy định, có chữ ký của giảng viên phụ trách môn học và trưởng đơn vị chuyên môn. Bảng điểm môn học phải được lưu giữ theo quy định hiện hành.

c) Đối với môn học được đào tạo theo hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến, thủ trưởng CSĐT quy định hình thức thi trực tiếp hoặc trực tuyến.

3. Thủ trưởng CSĐT quy định chi tiết về điều kiện thi kết thúc môn học, hình thức đánh giá môn học đề thi, số lần kiểm tra, trọng số các điểm thành phần môn học, quy tắc làm tròn điểm thi; quy định thang điểm quy đổi điểm chữ, điểm số và xếp loại theo quy chế hiện hành, xử lý khiếu nại, vi phạm trong quá trình đánh giá môn học.

8.2 Đánh giá luận văn

Việc đánh giá Luận văn được thực hiện theo quy định tại Điều 20 của Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

9. Đội ngũ giảng dạy

9.1 Đội ngũ giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Năm sinh	Ngành đào tạo (Văn bằng cao nhất)	Trình độ	Học phần giảng dạy
1	Dương Anh Sơn	1964	Luật học	PGS.TS	Pháp luật hợp đồng Kinh tế học pháp luật
2	Ngô Hữu Phước	1972	Luật học	PGS.TS	Phương pháp nghiên cứu khoa học
3	Lê Vũ Nam	1969	Luật học	PGS.TS	Pháp luật ngân hàng
4	Nguyễn Ngọc Điện	1959	Luật học	PGS.TS	Phương pháp nghiên cứu khoa học
5	Nguyễn Thị Hồng Nhung	1983	Luật học	PGS.TS	Pháp luật về sở hữu trí tuệ Pháp luật về quản lý ngoại hối và thị trường tiền tệ
6	Đoàn Phương Diệp	1977	Luật học	PGS.TS	Pháp luật lao động và an sinh xã hội
7	Vũ Kim Hạnh Dung	1988	Luật học	TS	Pháp luật kinh doanh quốc tế
8	Trịnh Thục Hiền	1980	Luật học	TS	Pháp luật về công ty
9	Đào Thị Thu Hằng	1976	Luật học	TS	Pháp luật về công ty
10	Đào Gia Phúc	1988	Luật So sánh	TS	Pháp luật thương mại quốc tế
11	Nguyễn Đình Huy	1969	Luật học	TS	Pháp luật về tài sản
12	Bùi Thị Hằng Nga	1982	Luật Kinh tế	TS	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm
13	Giản Thị Lê Na	1985	Luật Kinh tế	TS	Pháp luật về đầu tư Pháp luật mua bán và

					sáp nhập doanh nghiệp
14	Nguyễn Phan Phương Tần	1987	Luật Kinh tế	TS	Pháp luật hợp đồng
15	Châu Thị Khánh Vân	1967	Luật học	TS	Pháp luật về đất đai và kinh doanh bất động sản
16	Nguyễn Thị Thanh Xuân	1977	Luật học	TS	Pháp luật về đất đai và kinh doanh bất động sản
17	Nguyễn Trường Ngọc	1978	Luật Kinh tế	TS	Pháp luật cạnh tranh
18	Bùi Lê Thục Linh	1992	Luật Kinh doanh quốc tế	TS	Pháp luật kinh doanh quốc tế

9.2 Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Ngành đào tạo (Văn bằng cao nhất)	Trình độ	Học phần giảng dạy
1	Nguyễn Văn Vân	1969	Luật học	PGS.TS	Pháp luật ngân hàng
2	Bùi Xuân Hải	1972	Luật học	PGS.TS	Pháp luật về công ty
3	Nguyễn Thị Thủy	1972	Luật học	PGS.TS	Pháp luật về thuế trong hoạt động kinh doanh
4	Trần Thanh Hương	1965	Luật học	TS	Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản
5	Phạm Trí Hùng	1970	Luật học	TS	Kinh tế học pháp luật
6	Phạm Văn Võ	1969	Luật học	TS	Pháp luật về môi trường
7	Lưu Quốc Thái	1972	Luật học	TS	Pháp luật về đất đai và kinh doanh bất động sản

8	Nguyễn Thanh Bình	1967	Luật học	TS	Pháp luật về thuế trong hoạt động kinh doanh
9	Phan Thị Thành Dương	1974	Luật học	TS	Pháp luật về thuế trong hoạt động kinh doanh
10	Nguyễn Thành Đức	1965	Luật học	TS	Pháp luật về đầu tư
11	Nguyễn Văn Tiến	1967	Luật học	TS	Giải quyết tranh chấp trong thương mại

10. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng (phòng)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	2610		2010	Kiên cố
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	2	550		2010	Kiên cố
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	8	1190		2010	Kiên cố
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	74	6121		2010	Kiên cố
1.5	Số phòng học đa phương tiện	3	300		2017	Kiên cố
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	28	3223.5		2012	Kiên cố
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	1912		2015	Kiên cố

11. Kế hoạch bảo đảm chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo

Khoa xây dựng các kế hoạch cụ thể để bảo đảm chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật Kinh tế thông qua việc xây dựng các kế hoạch hoạt động định kỳ sau đây:

- Xây dựng chương trình đào tạo: Khi mở ngành thạc sĩ Luật Kinh tế.
- Sửa đổi, bổ sung, phát triển chương trình đào tạo: 2 năm/lần
- Lấy ý kiến học viên: Hàng năm;
- Lấy ý kiến các bên liên quan (bao gồm: giảng viên, cựu học viên, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp): 2 năm/lần
- Xây dựng kế hoạch kiểm định: 5 năm/lần
- Xây dựng lộ trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy: Là hoạt động thường xuyên, liên tục
- Tổ chức hội nghị, tọa đàm về đào tạo sau đại học: 2 năm/lần./.

12. Mô tả văn tắt nội dung học phần, khối lượng các học phần và luận văn

12.1 Phương pháp nghiên cứu khoa học

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung môn học: Trang bị cho học viên kỹ năng và phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý. Đặc biệt là kỹ năng nghiên cứu, viết luận văn thạc sĩ ngành Luật Kinh tế và kỹ năng viết bài báo khoa học. Nội dung chính của môn học bao gồm:

- Tổng quan về nghiên cứu khoa học và nghiên cứu khoa học pháp lý
- Các phương pháp nghiên cứu đặc thù của khoa học pháp lý
- Kỹ năng và phương pháp viết luận văn thạc sĩ luật học ngành Luật Kinh tế

Kỹ năng và phương pháp viết bài báo khoa học để công bố trên các tạp chí chuyên ngành khoa học pháp lý

12.2 Chuyên đề: Pháp luật về tài sản

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Nội dung môn học: Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về pháp luật tài sản, bao gồm:

- Khái niệm và phân loại tài sản, lý thuyết vật quyền, lý thuyết sản nghiệp.
- Khái niệm, nội dung, phạm vi quyền sở hữu; căn cứ xác lập quyền sở hữu.
- Khái niệm chiếm hữu; xác lập và hiệu lực của việc chiếm hữu

- Bảo vệ quyền đối với tài sản
- Chế độ pháp lý về bất động sản trong quan hệ láng giềng
- Sở hữu chung theo phần
- Quyền hưởng dụng, quyền bề mặt

12.3 Pháp luật về công ty

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Nội dung môn học: Pháp luật về Công ty là môn học được dạy ở bậc cao học, tập trung vào các chủ đề có tính chất nền tảng lý thuyết xoay xung quanh các tính chất cơ bản của công ty, trong đó có tính trách nhiệm hữu hạn và tư cách pháp nhân, lý thuyết đại diện (agency problem), và chủ đề có liên quan là kiểm soát quản trị (corporate governance). Môn học cũng giới thiệu về các kỹ năng nghiên cứu như phân tích bản án, và đề cao tính nguyên gốc trong hoạt động nghiên cứu, trong đó đặt ra vấn đề về dẫn nguồn và tránh đạo văn trong soạn thảo. Học phần gồm các nội dung chính như sau:

- Lý thuyết luật công ty và quản trị công ty
- Hội đồng quản trị
- Sự can thiệp của cổ đông
- Vấn đề độc lập của thành viên hội đồng quản trị
- Quan hệ với đối tác hợp đồng

12.4 Pháp luật hợp đồng

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Nội dung môn học: môn học cung cấp nội dung chuyên sâu về hợp đồng so với trình độ cử nhân. Môn học được tổ chức theo các chuyên đề sâu, bao gồm:

- Sự mềm dẻo trong quy định của pháp luật hợp đồng
- Sự rõ ràng trong quy định của pháp luật hợp đồng
- Sự thống nhất trong quy định của pháp luật hợp đồng
- Tôn trọng và giới hạn đúng chỗ tự do hợp đồng
- Tính phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế của pháp luật hợp đồng

12.5 Pháp luật về thương mại

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Nội dung môn học: Học phần giúp người học nắm được các nội dung cơ bản và phương pháp rà soát các chế định của pháp luật thương mại hiện hành; đánh giá được sự tác động của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đến pháp luật thương mại trong nước cũng như sự tương tác của nó với pháp luật thương mại quốc tế. Những nội dung chính của môn học bao gồm:

- Đánh giá, rà soát quy định của pháp luật thương mại
- Pháp luật thương mại trong bối cảnh hội nhập

12.6 Kinh tế học pháp luật

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Nội dung môn học: Kinh tế học pháp luật là một thành tựu nổi bật của khoa học pháp lý hiện đại. Thông qua sự kết hợp liên ngành giữa kinh tế và luật, một phương pháp nghiên cứu luật học mới được phát triển, theo đó, những nền tảng của pháp luật, của thỏa thuận hợp đồng giữa các bên chính là những logic kinh tế, nơi tính duy lý được đề cao. Kinh tế học pháp luật là minh chứng thực tiễn cho mệnh đề của Marx: “Pháp luật là ý chí (...) do các điều kiện sinh hoạt vật chất quyết định.” Tóm lại, học phần Kinh tế học pháp luật sẽ cung cấp cho người học phương pháp sử dụng logic kinh tế để hiểu logic pháp luật và sự hiểu có tính khách quan và dễ kiểm chứng. Nội dung học phần gồm:

- Nhập môn và khái niệm kinh tế học cơ bản
- Sở hữu trong kinh tế học pháp luật
- Hợp đồng trong kinh tế học pháp luật
- Doanh nghiệp trong kinh tế học pháp luật
- Hiệu quả của pháp luật dưới góc nhìn kinh tế

12.7 Pháp luật cạnh tranh

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Nội dung môn học: Học phần giúp người học nắm được tổng quan về hệ thống pháp luật cạnh tranh ở Việt Nam, nhận diện các dấu hiệu và nắm được cách xử lý đối với các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, hành vi hạn chế cạnh tranh, hành vi tập trung kinh tế; nhận thức được nhu cầu và định hướng hoàn thiện, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật cạnh tranh ở Việt Nam. Những nội dung chính của môn học bao gồm:

- Những vấn đề chung về pháp luật cạnh tranh
- Nhận diện và xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh
- Nhận diện và xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh

- Nhận diện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế
- Cơ quan cạnh tranh và tổ tụng cạnh tranh

12.8 Pháp luật ngân hàng

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Nội dung môn học: Học phần giới thiệu các kiến thức về ngân hàng và hoạt động ngân hàng, quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động ngân hàng cũng như trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để có thể tham gia vào phân tích các quy định pháp luật, phân biện chính sách và tư vấn các tình huống phát sinh trong thực tế liên quan đến hoạt động ngân hàng. Những nội dung chính của môn học bao gồm:

- Khái quát về ngân hàng và hoạt động ngân hàng
- Những vấn đề lý luận cơ bản về ngân hàng Trung ương và địa vị pháp lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Địa vị pháp lý của các tổ chức tín dụng và các biện pháp bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng
- Quy chế pháp lý của hoạt động cho vay và hợp đồng tín dụng

12.9 Giải quyết tranh chấp trong thương mại

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Nội dung môn học: Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu và thực tiễn áp dụng của các phương thức giải quyết tranh chấp trong thương mại so với trình độ cử nhân. Nội dung chính của học phần gồm:

- Giải quyết tranh chấp bằng thương lượng
- Giải quyết tranh chấp bằng hòa giải
- Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài
- Giải quyết tranh chấp bằng tòa án

12.10 Pháp luật sở hữu trí tuệ

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Nội dung môn học: Môn học cung cấp kiến thức chuyên sâu về pháp luật sở hữu trí tuệ, bao gồm cơ sở lý thuyết, nguyên tắc và bản chất của pháp luật sở hữu trí tuệ. Môn học giúp người học tiếp cận các vấn đề và tình huống của luật sở hữu trí tuệ trong thực tế và trang bị cho họ các kỹ năng để giải quyết những vấn đề đó, đồng thời, gợi mở các hướng nghiên cứu về luật sở hữu trí tuệ. Nội dung chính của học phần gồm:

- Tổng quan về luật sở hữu trí tuệ
- Quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả
- Quyền sở hữu công nghiệp
- Quyền đối với giống cây trồng
- Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

12.11 Pháp luật về đầu tư

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Nội dung môn học: môn học cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các hoạt động đầu tư, bao gồm: hình thức đầu tư, trình tự thủ tục đầu tư, các ưu đãi đầu tư, các quy chế pháp lý về đầu tư vào các khu kinh tế đặc biệt, hoạt động đầu tư ra nước ngoài. Môn học gồm các nội dung chính sau đây:

- Các vấn đề chung về luật đầu tư
- Các biện pháp bảo đảm đầu tư, ưu đãi đầu tư, hỗ trợ đầu tư
- Pháp luật về thủ tục đầu tư
- Pháp luật về hoạt động đầu tư vào các tổ chức kinh tế
- Pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư theo hợp đồng
- Pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư vào các khu kinh tế đặc biệt
- Pháp luật về đầu tư ra nước ngoài-

12.12 Pháp luật về môi trường

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Nội dung môn học: Học phần giới thiệu các kiến thức về môi trường bao gồm các quan điểm, các học thuyết của khoa học pháp lý, khoa học kinh tế có liên quan đến môi trường, các quy định của pháp luật về môi trường. Trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để có thể tham gia vào hoạt động quản lý môi trường, giải quyết tranh chấp môi trường, thực hiện các dự án đầu tư trong lĩnh vực môi trường, nghiên cứu pháp luật môi trường. Những nội dung chính của môn học bao gồm:

- Tổng quan pháp luật môi trường: yêu cầu của bảo vệ môi trường trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, các nguyên tắc của luật môi trường...
- Pháp luật về tài nguyên thiên nhiên: chế độ sở hữu, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên
- Pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường: Nghĩa vụ bảo vệ môi trường của các chủ thể kinh doanh, ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường, kinh doanh dịch vụ

môi trường, giải quyết tranh chấp môi trường...

- Luật Quốc tế về môi trường: các quy định về môi trường của WTO, Luật quốc tế về ứng phó khí hậu biến đổi...

12.13 Pháp luật về đấu thầu và đấu giá tài sản

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Nội dung môn học: Môn học cung cấp kiến thức chuyên sâu của lĩnh vực luật kinh tế để học viên nắm bắt được bản chất của hoạt động cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan sử dụng nguồn lực nhà nước trong đấu thầu và lựa chọn nhà đầu tư trong hợp tác công tư; bản chất và hình thức của phương thức mua bán tài sản đấu giá, đặc biệt là đấu giá bắt buộc. Môn học góp phần trang bị và phát triển kỹ năng ứng dụng khi tham gia vào các hoạt động liên quan đấu thầu và đấu giá (trong đó có việc lập kế hoạch và chuẩn bị hồ sơ lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng trong đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư và ký kết hợp đồng hợp tác công tư, tổ chức các hoạt động đấu giá bắt buộc); khiếu nại và giải quyết tranh chấp liên quan đấu thầu, đấu giá. Nội dung chính của học phần gồm:

- Pháp luật đấu thầu Việt Nam
- Pháp luật đấu giá tài sản
- Chuyên đề mua sắm công trong một số hiệp định thương mại tự do

12.14 Pháp luật về thuế trong hoạt động kinh doanh

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Nội dung môn học: Học phần pháp luật thuế trong hoạt động kinh doanh giới thiệu các kiến thức về pháp luật thuế áp dụng trong hoạt động kinh doanh của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay; cũng như trang bị cho học viên những kỹ năng cần thiết để có thể tham gia vào quá trình tư vấn về thuế, quản lý, điều hành doanh nghiệp và các hoạt động tổ tụng khác. Những nội dung chính của môn học bao gồm:

- Mục tiêu và các phương pháp tiếp cận, xử lý vấn đề, khảo sát và xác định yêu cầu kỹ năng trong quá trình nghiên cứu môn học.
- Phương pháp, công cụ sử dụng trong tham gia tiếp thu kiến thức môn học.
- Các kỹ năng nhận diện và xử lý các tình huống phát sinh liên quan đến môn học.

12.15 Pháp luật về quản lý ngoại hối và thị trường tiền tệ

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Nội dung môn học: Học phần nhằm cung cấp cho người học kiến thức tổng hợp kinh tế - pháp luật về lưu thông ngoại hối, các giao dịch trên thị trường tiền tệ, thực trạng sử dụng các biện pháp can thiệp của ngân hàng trung ương tác động đến cung cầu vốn khả dụng, lãi suất liên ngân hàng từ đó tác động đến lãi suất thị trường nhằm đạt được các mục tiêu chính sách tiền tệ. Học phần sẽ đề cập đến các nội dung chính gồm: Những kiến thức pháp luật và kinh tế chuyên sâu về thị trường tiền tệ (Khái niệm, hàng hóa, chủ thể, cách phân loại, vai trò của thị trường tiền tệ), dự báo cung cầu vốn khả dụng của các tổ chức tín dụng, các giao dịch trên thị trường tiền tệ, các nghiệp vụ của ngân hàng trung ương và sự can thiệp của ngân hàng trung ương trên thị trường tiền tệ

12.16 Pháp luật mua bán và sáp nhập doanh nghiệp

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Nội dung môn học: đây là một học phần ứng dụng, trang bị những kiến thức chuyên sâu về pháp luật điều chỉnh hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp. Trong môn học này, học viên sẽ được vận dụng các kiến thức tổng hợp về kinh tế - luật và cả văn hóa kinh doanh... để thông qua đó hiểu được một cách toàn diện nhất các thương vụ mua bán, sáp nhập hay hợp nhất.

12.17 Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Nội dung môn học: Học phần Pháp luật bảo hiểm là môn học chuyên sâu thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành luật Kinh tế. Khi nghiên cứu môn học này, học viên phải nắm được những vấn đề cơ bản sau:

- Nắm được những vấn đề lý luận cơ bản về bảo hiểm nói chung và hoạt động kinh doanh bảo hiểm nói riêng như bản chất của bảo hiểm, những đặc trưng cơ bản của hoạt động kinh doanh bảo hiểm, đặc thù của PL kinh doanh bảo hiểm.

- Hiểu và nắm được những vấn đề lý luận về hợp đồng bảo hiểm: Bản chất của hợp đồng bảo hiểm; đặc trưng các chủ thể tham gia vào hợp đồng bảo hiểm; đối tượng của hợp đồng bảo hiểm; mối quan hệ giữa hợp đồng bảo hiểm với Quy tắc, Điều khoản bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm ban hành...

- Nắm được những đặc trưng cơ bản của hợp đồng bảo hiểm tài sản: người mua bảo hiểm và người được bảo hiểm, đối tượng của hợp đồng, quyền lợi được bảo hiểm trong bảo hiểm; bản chất bồi thường trong quan hệ bảo hiểm; vấn đề chuyển yêu cầu bồi hoàn trong hợp đồng bảo hiểm...

- Hiểu, vận dụng, đánh giá được các quy định của pháp luật về hợp đồng bảo hiểm nói chung và hợp đồng bảo hiểm tài sản nói riêng. Phân tích, bình luận các bản án trên thực tế về phí bảo hiểm, quyền lợi được bảo hiểm, bồi thường, giám định,

chuyển yêu cầu đòi bồi hoàn trong bảo hiểm tài sản.

12.18 Pháp luật về kinh doanh chứng khoán

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Nội dung môn học: Học phần giới thiệu các kiến thức về chứng khoán và thị trường chứng khoán, quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh chứng khoán cũng như trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để có thể tham gia vào phân tích các quy định pháp luật, phân biện chính sách và tư vấn các tình huống phát sinh trong thực tế liên quan đến hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Những nội dung chính của môn học bao gồm:

- Khái quát về thị trường chứng khoán.
- Quy chế pháp lý của chứng khoán.
- Địa vị pháp lý của các chủ thể trên thị trường chứng khoán.
- Pháp luật về chào bán và niêm yết chứng khoán.
- Pháp luật về giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

12.19 Pháp luật về đất đai và kinh doanh bất động sản

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Nội dung môn học: Môn học có đối tượng, phạm vi nghiên cứu là lý thuyết làm cơ sở để xây dựng và đánh giá quy định pháp luật về kinh doanh bất động sản; quy định pháp luật về kinh doanh bất động sản; thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về kinh doanh bất động sản. Nội dung chính của môn học gồm :

- Giới thiệu tổng quan về bất động sản và pháp luật về kinh doanh bất động sản
- Pháp luật về kinh doanh quyền sử dụng đất
- Pháp luật về kinh doanh nhà, công trình xây dựng
- Pháp luật về chuyển nhượng dự án bất động sản

12.20 Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng và trách nhiệm sản phẩm

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Nội dung môn học: Học phần giới thiệu các kiến thức chuyên sâu về người tiêu dùng, vấn đề bảo vệ người tiêu dùng và quy định bảo vệ người tiêu dùng theo pháp luật Việt Nam. Cụ thể, nội dung chính của môn học bao gồm:

- Tổng quan về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên thế giới và Việt Nam

- Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng
- Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh
- Giải quyết tranh chấp liên quan đến người tiêu dùng

12.21 Pháp luật thương mại quốc tế

Thời lượng (số tín chỉ): 03

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Nội dung môn học: Môn học cung cấp những kiến thức về luật thương mại quốc tế ở trình độ nâng cao so với môn Luật Thương mại quốc tế ở Chương trình đào tạo Cử nhân Luật. Đồng thời, trang bị những kỹ năng cần thiết để người học có thể phân tích, đánh giá, bình luận, tư vấn và giải quyết được các vụ việc, các mối quan hệ phát sinh giữa các chủ thể luật quốc tế trong hoạt động thương mại quốc tế. Môn học bao gồm các nội dung chính:

- Các vấn đề pháp lý cơ bản về đàm phán và thực hiện điều ước quốc tế về thương mại quốc tế;
- Vai trò, ảnh hưởng, tác động của thương mại quốc tế đối với kinh tế thế giới, khu vực và quốc gia
- Cơ sở pháp lý quốc tế điều chỉnh quan hệ thương mại quốc tế
- Phân biệt các loại hình quan hệ của thương mại quốc tế
- Các vấn đề pháp lý cơ bản về Hiệp định thương mại tự do (FTA) truyền thống và Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới;
- Các cam kết phi thương mại trong các Hiệp định thương mại tự do tự do thế hệ mới;
- Thuận lợi và thách thức của Việt Nam khi đàm phán và thực hiện các Hiệp định thương mại tự do;
- Xu hướng đàm phán, ký kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới
- Phương thức thực thi các Hiệp định thương mại tự do thế hệ của Việt Nam

12.22 Pháp luật kinh doanh quốc tế

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Nội dung môn học: là môn học hai tín chỉ về các vấn đề pháp lý chọn lọc phát sinh từ các giao dịch kinh doanh quốc tế. Môn học có cách tiếp cận thực tế, đặt học viên vào tình huống của một người hành nghề luật. Học viên sẽ phát triển các kỹ năng cần thiết để xem xét và đánh giá một vấn đề pháp lý, xác định, phân tích và đánh giá các quy phạm pháp luật trong luật viết và án lệ. Môn học nâng cao nhận thức về luật áp dụng và cách tòa án giải thích pháp luật, đặc biệt là các quy định từ nguồn luật quốc

tế, để áp dụng giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong các giao dịch mua bán xuyên biên giới. Nội dung chính của môn học gồm:

- Nguồn luật trong mua bán hàng hóa quốc tế
- Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế
- Vận tải quốc tế
- Chứng từ và thanh toán quốc tế

12.23 Pháp luật lao động và an sinh xã hội

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Nội dung môn học: Học phần cung cấp kiến thức cho học viên kiến thức về lao động và an sinh xã hội, bao gồm một hệ thống khái niệm và lý thuyết, quan hệ giữa An sinh xã hội, Công tác xã hội và Chính sách xã hội. Đồng thời, học phần cung cấp cho học bức tranh tổng quát về hệ thống an sinh xã hội thế giới, sự hình thành và phát triển hệ thống an sinh xã hội Việt Nam, quan hệ giữa hệ thống an sinh xã hội với hệ thống kinh tế và hệ thống chính trị, các lĩnh vực của an sinh xã hội trong quá trình phát triển xã hội. Nội dung chính của học phần gồm:

- Một số vấn đề chung về an sinh xã hội
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế
- Trợ giúp xã hội
- Quản lý nhà nước về an sinh xã hội

12.24 Luận văn

- Thời lượng: 15 tín chỉ
- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành các chuyên đề và đạt yêu cầu

Học viên chọn và nghiên cứu một vấn đề pháp lý thuộc lĩnh vực pháp luật về kinh tế, thương mại trong nước và quốc tế, bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- Phần mở đầu (tính cấp thiết; mục đích nghiên cứu; tình hình nghiên cứu; đối tượng và phạm vi nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu; ý nghĩa khoa học và thực tiễn; cấu trúc của luận văn)

- Các chương của luận văn (tối thiểu 2 chương, được xác định phù hợp với đề tài và mục đích nghiên cứu; kết luận chương)

- Kết luận chung của luận văn
- Danh mục tài liệu tham khảo
- Các Phụ lục (nếu có)
- Dung lượng của luận văn: Từ 60 đến 90 trang A4

Lưu ý: Việc đánh giá Luận văn được thực hiện theo quy định tại Điều 20 của Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh.

PHÓ TRƯỞNG KHOA PHỤ TRÁCH



Ngô Hữu Phước

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Công Gia Khánh

PHỤ LỤC

VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ, CHỨNG NHẬN NGOẠI NGỮ ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 11 năm 2021
của Giám đốc Đại học Quốc gia HCM)

1. Văn bằng được công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ

Theo Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ hiện hành của Giám đốc ĐHQG-HCM.

2. Chứng chỉ được công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ theo khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam.

a) Chứng chỉ trong nước

Học viên có chứng chỉ ngoại ngữ đạt bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (tương đương B2 theo CEFR) của các CSĐT được Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQG – HCM công nhận.

b) Chứng chỉ quốc tế

STT	Ngoại ngữ	Chứng chỉ	Thang điểm tối thiểu B2
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	46
		IELTS	5.5
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 400; Đọc: 385 Nói: 160; Viết: 150
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 400 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	JLPT N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-2